

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 8 – CẦN THƠ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 28/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 25-8-2025

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 – CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ái Mỹ.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lâm Kim Mến.

Bà Đào Đức Cẩm Tú.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Anh Đô – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân khu vực 8 – Cần Thơ.

Trong ngày 25 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 8 – Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 113/2025/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 6 năm 2025 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lâm Thị Bích N, sinh ngày 19/02/2001 (vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp K, xã A, thành phố Cần Thơ.

- Bị đơn: Ông Lâm Minh H, sinh ngày 23/7/2001 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Đ, phường M, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện về việc ly hôn ngày 13 tháng 5 năm 2025, nguyên đơn bà Lâm Thị Bích N trình bày:

Bà Lâm Thị Bích N với ông Lâm Minh H tổ chức cưới năm 2022, đăng ký kết hôn ngày 16/02/2022 tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (Nay là Ủy ban nhân dân xã A, thành phố Cần Thơ). Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng sau đó thì thường phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Đến tháng 12 năm 2024 thì vợ chồng đã không còn sống chung

với nhau cho đến nay. Nhận thấy hôn nhân không có hạnh phúc nên nay bà N yêu cầu ly hôn với ông H.

Về con chung: Trong quá trình chung sống bà N và ông H có 01 con chung tên Lâm Thiên P, sinh ngày 29/01/2023, hiện nay con đang sống chung với bà N. Khi ly hôn bà N yêu cầu nuôi con, không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Đối với bị đơn ông Lâm Minh H:* Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử theo trình tự thủ tục tố tụng dân sự, nhưng ông H vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, cũng không nộp văn bản thể hiện ý kiến cho Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về việc xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn: Nguyên đơn bà Lâm Thị Bích N và bị đơn ông Lâm Minh H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm lần thứ hai nhưng vắng mặt, bà N có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, ông H vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) tiến hành xét xử vắng mặt bà N và ông H.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Lâm Thị Bích N và ông Lâm Minh H tự nguyện tổ chức cưới vào năm 2022, có đăng ký kết hôn vào ngày 16/02/2022 tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (Nay là Ủy ban nhân dân xã A, thành phố Cần Thơ) nên quan hệ hôn nhân giữa bà Lâm Thị Bích N và ông Lâm Minh H là hôn nhân hợp pháp. Hội đồng xét xử xét thấy hôn nhân giữa bà N và ông H đã phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng ý kiến. Bà N và ông H đã không còn sống chung với nhau từ tháng 12 năm 2024 đến nay không hàn gắn được dẫn đến bà N yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, cho thấy cuộc sống hôn nhân của bà N và ông H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà N.

[3] Về con chung: Bà N và ông H có 01 con chung là Lâm Thiên P, sinh ngày 29/01/2023, hiện đang sống chung với bà N. Xét thấy hiện nay cháu Lâm Thiên P dưới 36 tháng tuổi, đang sống chung với bà N, bà N cũng yêu cầu được

quyền trực tiếp nuôi con nên nhằm để ổn định cuộc sống hiện tại, không làm ảnh hưởng đến tâm lý của con chung thì cần thiết giao con chung cho bà N trực tiếp nuôi là phù hợp theo quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Ông H được quyền thăm nom con chung, không ai được quyền cản trở.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà N không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; bà Lâm Thị Bích N phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025); Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lâm Thị Bích N đối với bị đơn ông Lâm Minh H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Lâm Thị Bích N được ly hôn với ông Lâm Minh H.

2. Về con chung: Giao cho bà Lâm Thị Bích N được quyền trực tiếp nuôi con chung là Lâm Thiên P, sinh ngày 29/01/2023 cho đến khi cháu P đủ 18 tuổi. Ông Lâm Minh H được quyền thăm nom con chung Lâm Thiên P, không ai được quyền cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Nguyên đơn bà Lâm Thị Bích N không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về tài sản chung, nợ chung: Bà Lâm Thị Bích N và ông Lâm Minh H không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí: Bà Lâm Thị Bích N phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu Tạm ứng án phí, Lệ phí Toà án số 0001722 ngày 29/5/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Xuyên (Nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 8 – Cần Thơ). Bà Lâm Thị Bích N đã nộp xong.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên toà thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

7. Về việc thi hành án: Trong trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền yêu cầu thi hành án, thoả thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 8 – Cần Thơ;
 - Các đương sự;
 - TAND TP Cần Thơ;
 - Phòng THADS khu vực 8 – Cần Thơ;
 - UBND An Ninh, TP Cần Thơ;
- (Theo GCNKH số 19 ngày 16/02/2022);
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Ái Mỹ